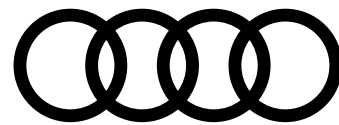


A5 sedan



Nhà Nhập Khẩu Chính Thức Audi
AUTOMOTIVE ASIA LTD

www.audi.vn
Hotline: 1800888861
f @ /AudiVietnam

Nhà Phân Phối Chính Thức Audi
CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN Á QUỐC TẾ

Audi Hà Nội
8 Phạm Hùng, P. Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm
Tel: (24) 3768 5959
Fax: (24) 3768 5960

Audi Đà Nẵng
86C Duy Tân
Quận Hải Châu
Tel: (236) 3788 686
Fax: (236) 3798 686

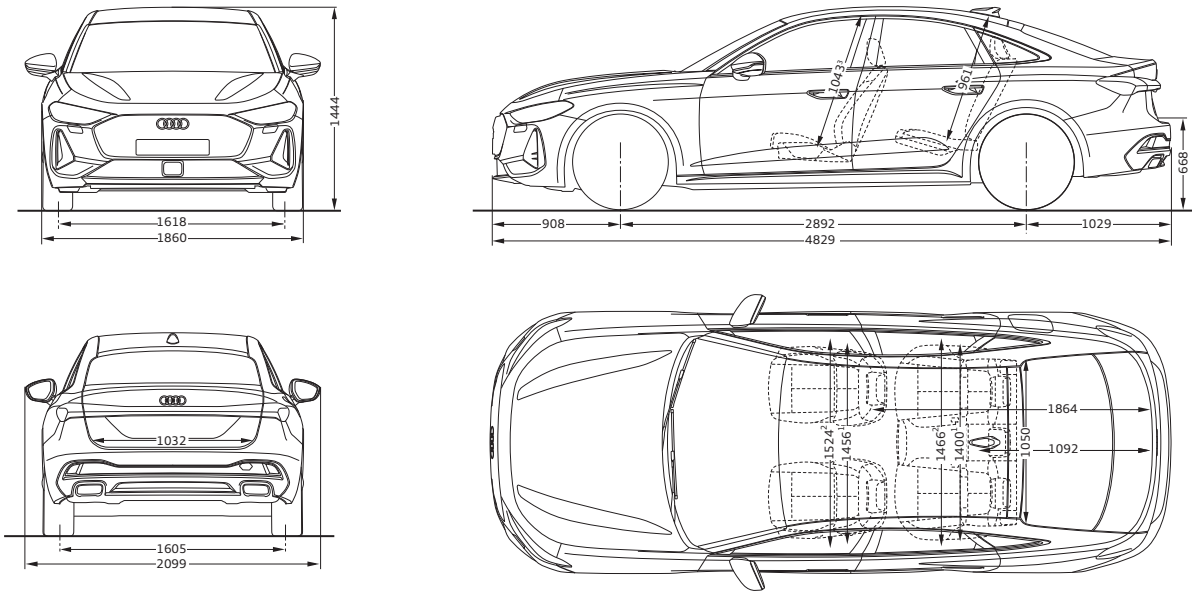
Audi Hồ Chí Minh City
6B Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tel: (28) 3911 8008
Fax: (28) 3824 3961
contact@audi.vn

Audi Tân Bình
Lô IV Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Tel: (28) 3943 0089
Fax: (28) 3943 0079
contact@audi.vn

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	A5 sedan
ĐỘNG CƠ	
Nhiên liệu	Xăng
Loại động cơ	4 xy-lanh, phun nhiên liệu trực tiếp, với bộ tăng áp bằng khí xả, Công nghệ kiểm soát tỷ lệ hòa khí (Lambda Control) và chống gõ động cơ (Knock Control)
Dung tích (cc)	1.984
Công suất cực đại kW (hp)/rpm	146 (196 Hp) / 4.300 - 6.000
Mô-men xoắn cực đại Nm/rpm	340/2.000 - 4.000
TRUYỀN ĐỘNG	
Hộp số	7 cấp S tronic
Dẫn động	Dẫn động cầu trước
HIỆU SUẤT	
Gia tốc 0-100km/h (sec.)	7,8
Tốc độ tối đa (km/h)	248
Tiêu hao nhiên liệu l/100km (Đô thị / Cao tốc / Kết hợp)	7,1 (Kết hợp)*
PHANH	
Trước	17-inch (ECE)
Sau	16-inch (ECE)
Hỗ trợ phanh	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

Số đo (Tất cả tính bằng mm)



Kích thước dựa trên dữ liệu kỹ thuật từ Audi Đức.
Thông số kỹ thuật thực tế có thể có thay đổi

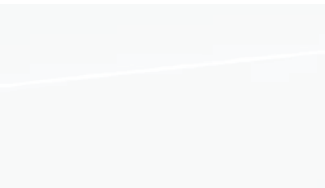
Chiều dài cơ sở	2.892
Dài	4.829
Cao	1.444
Rộng (gập gương/mở gương)	1.860 / 2.099
Vết bánh xe (trước/sau)	1.630 / 1.617
Trọng lượng xe (kg)	1.750
Đường kính vòng quay (m)	12,1
Dung tích khoang hành lý (l)	445/1.229
Dung tích bình xăng (l)	56

(*) Sẽ được xác nhận sau khi thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế tại Việt Nam

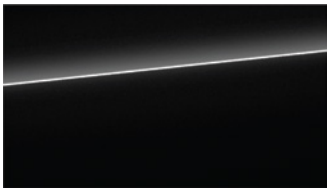
TRANG BỊ	A5 sedan
AN TOÀN VÀ HỆ THỐNG HỖ TRỢ	
Tam giác cảnh báo	•
Móc cố định ghế trẻ em ISOFIX cho hàng ghế sau (bên ngoài)	•
Khóa an toàn trẻ em điều khiển điện	•
Túi khí phía trước; túi khí ghế phụ phía trước có thể tắt	•
Cảnh báo hàng ghế sau	•
Túi khí bên hông trước và sau, với túi khí đầu và túi khí kết hợp phía trước	•
Dây đai an toàn	•
Dẫn động cầu trước	•
Hệ thống nhiên liệu cho động cơ SI phun xăng trực tiếp (FSI)	•
Bộ phụ kiện lắp đặt cho động cơ 4 xi-lanh	•
Động cơ xăng 4 xi-lanh 2.0L/146 kW (16V) tăng áp FSI	•
Cốp sau đóng/mở điện	•
Khóa thông minh không kèm chức năng Safelock	•
Hỗ trợ tránh va chạm và hỗ trợ rẽ phía trước	•
Cảnh báo chệch làn đường	•
Hệ thống cảnh báo điểm mù, cảnh báo mở cửa, Hỗ trợ phương tiện cắt ngang phía sau và Hỗ trợ rẽ phía sau	•
Hệ thống chống trộm điện tử	•
Hệ thống bảo vệ hành khách chủ động phía trước, bên và phía sau	•
Hỗ trợ phanh khẩn cấp phía trước	•
Chìa khóa điều khiển từ xa	•
Hệ thống kiểm soát hành trình thích ứng	•
Các chế độ lái Audi drive select	•
Gói hỗ trợ lái và đỗ xe	•
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe tự động (Park Assist Plus)	•
Camera quan sát toàn cảnh	•
Gói hỗ trợ mở rộng, bao gồm các hệ thống bảo vệ và cảnh báo nâng cao	•
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe nâng cao kèm hiển thị khoảng cách	•
Hỗ trợ cảnh báo phương tiện cắt ngang phía trước	•
Nhắc cài dây đai an toàn	•
Hệ thống giám sát độ tập trung và cảnh báo mệt mỏi người lái	•
NGOẠI THẤT	
Gói ngoại thất S line	•
Cản trước/sau kiểu S line	•
Tấm bảo vệ gầm phía trước bổ sung	•
Đèn chào mừng tích hợp trên gương chiếu hậu	•
Viền trang trí cửa sổ mạ nhôm	•
Gương chiếu hậu ngoài: lỗi bên phía người lái, dạng phi cầu bên hành khách	•
Vỏ gương chiếu hậu sơn cùng màu thân xe	•
Tay nắm cửa sơn cùng màu thân xe	•
Gương chiếu hậu bên ngoài chỉnh điện, gập điện, sưởi và chống chói tự động hai bên	•
Đèn pha Công nghệ luồng sáng Matrix	•
Đèn pha LED Matrix	•
Đèn hậu LED cao cấp	•
Đèn chiếu sáng ban ngày (DRL) + đèn định vị phía sau với chức năng điều khiển đèn pha tự động, tự động bật/tắt chế độ Coming Home và Leaving Home	•
Hệ thống rửa đèn pha	•
Gạt mưa tiêu chuẩn	•
BÁNH XE VÀ HỆ THỐNG TREO	
Hệ thống treo tiêu chuẩn	•
Bộ dụng cụ vá lốp	•
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp	•
Lốp xe 245/40 R19 98Y xl	•
INTERIOR & COMFORT	
Thảm sàn phía trước và phía sau	•
Vô lăng điều chỉnh tay	•
Vô lăng thể thao bọc da 2 chấu, đáy bằng, tích hợp phím chức năng và lấy chuyển số	•
Viền trang trí vô lăng kiểu mạ crôm	•
Ghế thể thao phía trước	•
Ghế trước chỉnh điện	•
Hỗ trợ tựa lưng 4 chiều cho ghế trước	•
Chức năng nhớ cho ghế lái và gương chiếu hậu bên ngoài	•

Rèm che nắng cửa sau điều chỉnh tay	•
Kính chắn gió cách nhiệt và cách âm	•
Gương chiếu hậu trong chống chói tự động	•
Ốp trang trí nội thất kiểu nhôm	•
Ốp bệ cửa trước tích hợp viền nhôm và đèn phát sáng	•
Ốp nội thất nhôm xước mờ màu bạc	•
Tựa đầu ghế trước	•
Các chi tiết nội thất bọc da tổng hợp	•
Ghế da kết hợp da tổng hợp	•
Trần xe bọc vải màu tùy chọn	•
Bệ tì tay tiện nghi trung tâm phía trước	•
Các nút bấm và chi tiết trang trí màu đen bóng	•
Các chi tiết nội thất trên và dưới với đường chỉ may tương phản	•
Gối tiện nghi nâng cao	•
Gối điều hòa không khí	•
Hệ thống điều hòa tự động 3 vùng cao cấp	•
Gạt tàn và đầu mỗi thuốc phía trước	•
Gối đèn viền nội thất cao cấp (30 màu)	•
Kính cửa trước cách âm	•
THÔNG TIN GIẢI TRÍ	
Hệ thống định vị cao cấp	•
Hệ thống giải trí MMI nâng cao	•
Buồng lái ảo kỹ thuật số Audi Virtual Cockpit Plus	•
Hệ thống âm thanh Audi	•
Ngân điện thoại tích hợp sạc không dây	•
Kết nối giao diện điện thoại thông minh	•
Màn hình MMI dành cho hành khách phía trước	•
Cổng sạc USB cho hàng ghế trước và sau	•
TÙY CHỌN	
Mâm 5 chấu kiểu khí động học, màu đen bóng, kích thước 19 inch, lốp 245/40 R19	•

Tùy chọn màu sơn:



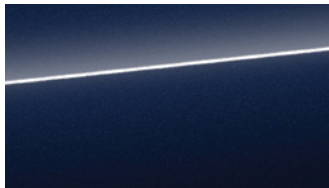
Z9 Trắng Arkona, Đơn sắc



0E Đen Mythos, Ảnh kim



2Y Trắng Glacier White, Ảnh kim



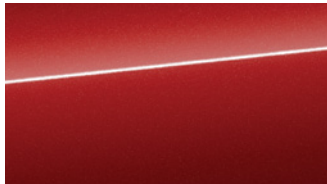
5U Xanh Firmament, Ảnh kim



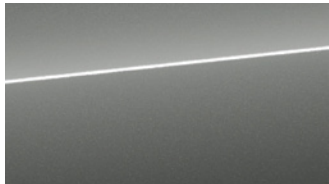
H3 Xanh Horizon, Ảnh kim



L5 Bạc Foil, Ảnh kim



S5 Đỏ Grenadine, Ảnh kim



Z7 Xám Chronos, Ảnh kim



Bảo hành 3 năm không giới hạn số km sử dụng

Giá khởi điểm từ: 2,199,000,000 VND



Quét mã QR
hoặc truy cập www.audi.vn
để biết thêm thông tin

Thông số kỹ thuật thực tế có thể có thay đổi
Thông tin chính xác vào tháng 07 năm 2025